

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước nhận định lạc quan của Standard Chartered về tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021 đạt 7.8%.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu.

[Thông tin doanh nghiệp]

VPB, VHC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tiếp tục duy trì một phần vị thế trading đã mua tại vùng hỗ trợ gần, kỳ vọng vào khả năng vượt cản thành công.

22/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,166.78	+0.22
VN30	1,156.58	+0.46
HĐTL VN30F1M	1,173.50	+1.93
HNXIndex	240.12	-0.06
HNX30	367.56	-0.92
UPCoM	77.60	+0.18
USD/VND	23,074	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.18	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+6
Dầu (WTI, \$)	52.32	-1.52
Vàng (LME, \$)	1,861.03	-0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,166.78 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 758.3 (+19.6%)
GTGD (triệu US\$) 694.4 (+1.7%)

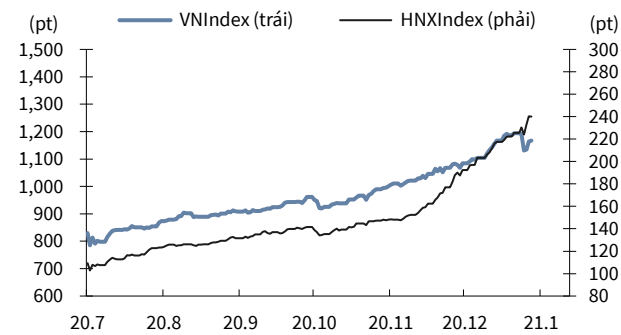
HNXIndex 240.12 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 144.6 (+10.6%)
GTGD (triệu US\$) 85.0 (-0.3%)

UPCoM 77.60 (+0.18%)
KLGD (triệu CP) 101.2 (+98.7%)
GTGD (triệu US\$) 33.8 (+15.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -2.2

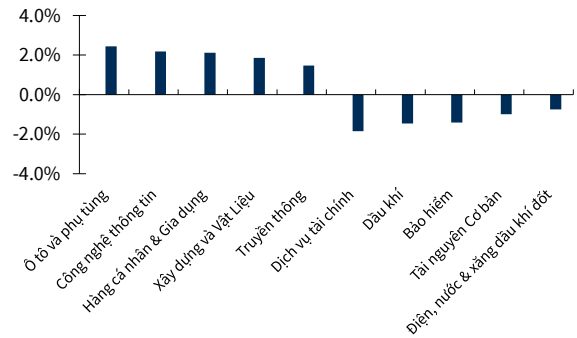
TTCK Việt Nam tăng điểm trước nhận định lạc quan của Standard Chartered về tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021 đạt 7.8%. Phản ứng trước thông tin trên, cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở CTG (+1.6%), VPB (+0.8%). Cũng theo Standard Chartered, Việt Nam sẽ tiếp tục là điểm đến hấp dẫn hàng đầu trong khu vực của dòng vốn FDI, giúp tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp như KBC (+6.9%), LHG (+3.9%). Theo Hiệp hội thép Việt Nam, giá thép toàn cầu đã ở mức cao trong giai đoạn cuối năm 2020 và phần lớn đã tăng có khả năng tiếp tục kéo dài ít nhất đến nửa đầu năm 2021 giúp cổ phiếu nhóm thép tăng giá ở DXG (+7.0%), HSG (+1.0%). Cổ phiếu nhóm bất động sản tăng giá ở DXG (+7.0%), KDH (+2.9%) sau thông tin UBND TP HCM vừa có văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, UBND quận huyện thực hiện tốt nhiệm vụ về Chính sách nhà ở và thị trường bất động sản nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng ở HPG (-1.2%), VNM (-1.5%), CTG (+1.6%).

VNIndex & HNXIndex



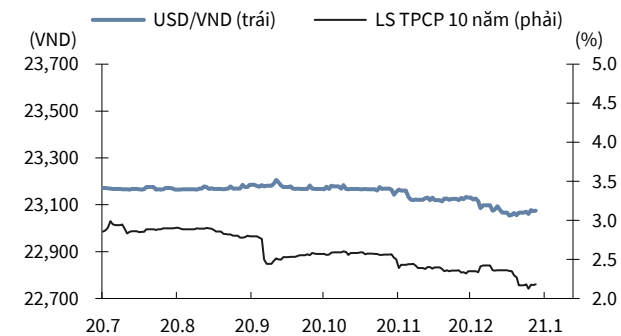
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

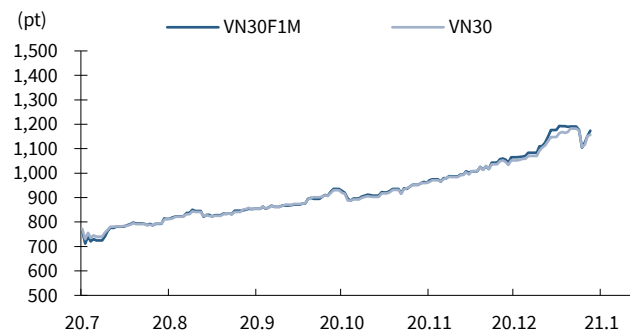
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,156.58 (+0.46%)
VN30F1M	1,173.5 (+1.93%)
Mở cửa	1,183.0
Cao nhất	1,189.2
Thấp nhất	1,168.1

HĐTL giảm nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 30.7 và thu hẹp dần trong phiên, đóng cửa ở 16.92. NĐTNN bán ròng mạnh và thanh khoản cải thiện trong phiên hôm nay.

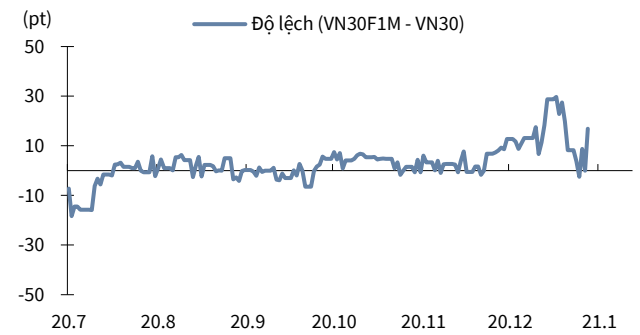
KLGD (HĐ)	187,897 (-2.0%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



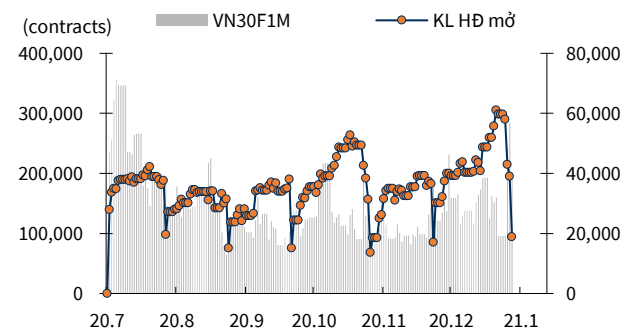
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



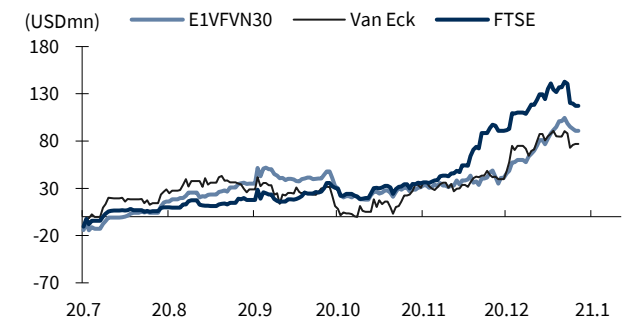
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

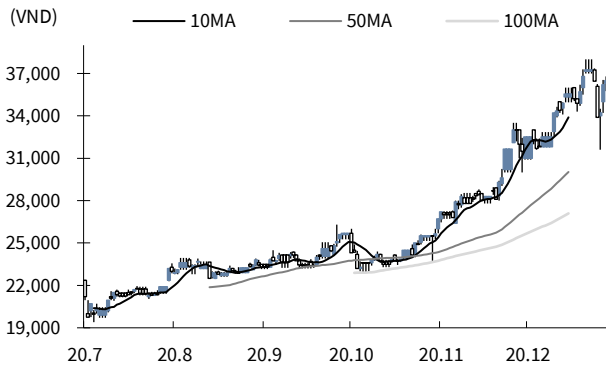
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

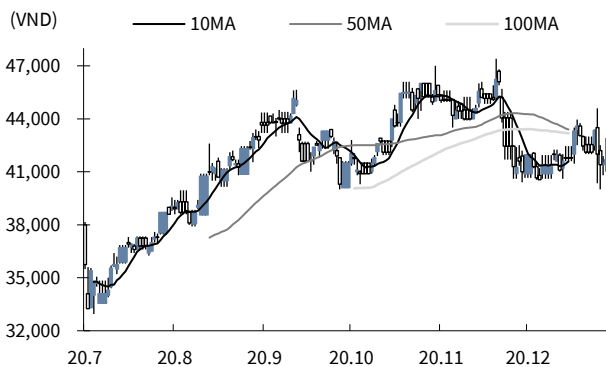
VPBank (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 0.8% lên 36,500 VND/cp.
- VPB công bố kết quả kinh doanh quý 4/2020 với lợi nhuận sau thuế đạt 2,897 tỷ đồng (+16% YoY). Theo đó, lũy kế năm 2020, VPBank ghi nhận lợi nhuận đạt 10,413 tỷ đồng (+26% YoY), tăng trưởng tín dụng ở mức 13% Ytd, nợ xấu ở mức 9,922 tỷ đồng (+23% YoY), tương đương 3.4% dư nợ.

Vĩnh Hoàn (VHC)



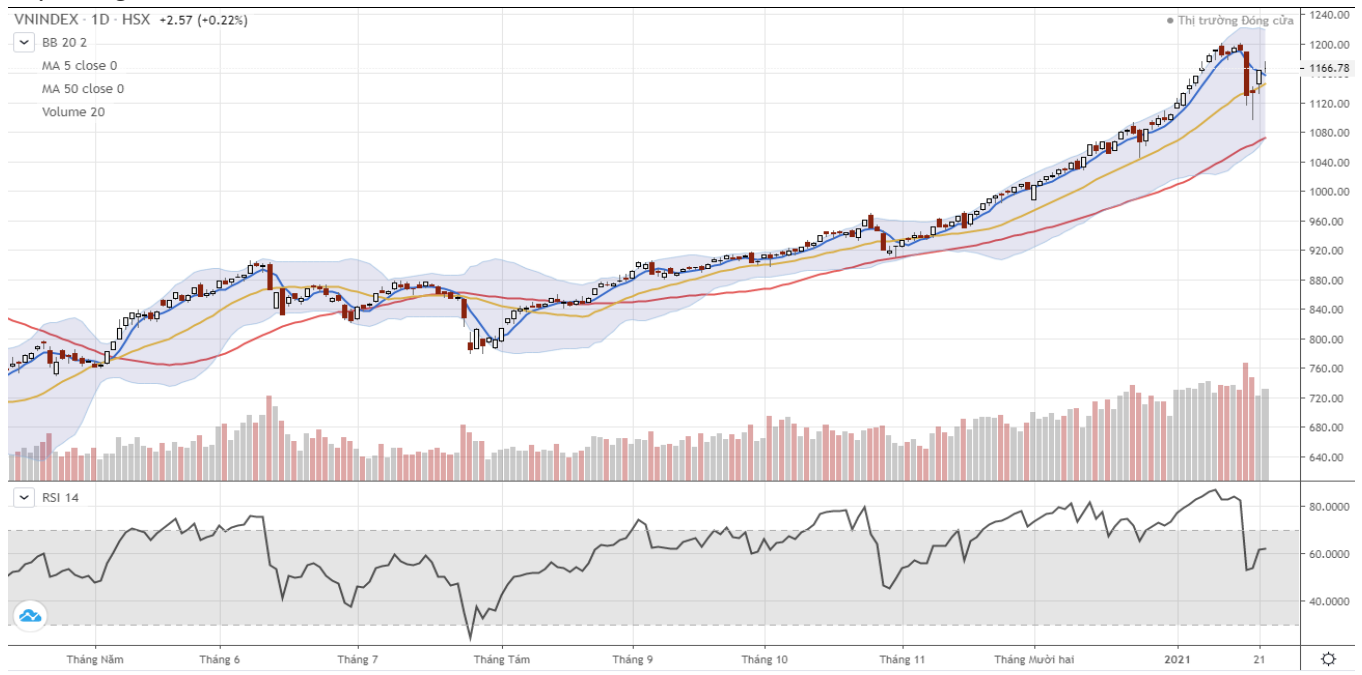
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 0.5% lên 41,700 VND/cp.
- VHC công bố kết quả kinh doanh quý 4/2020 ghi nhận lợi nhuận đạt 153 tỷ đồng (-23% YoY), doanh thu 1,944 tỷ đồng (-11% YoY).
- Ban lãnh đạo cho biết doanh nghiệp gần hoàn tất mua cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang thông qua mua lại toàn bộ 3.56 triệu cổ phiếu SGC theo phương thức giao dịch ngoài hệ thống từ SCIC.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

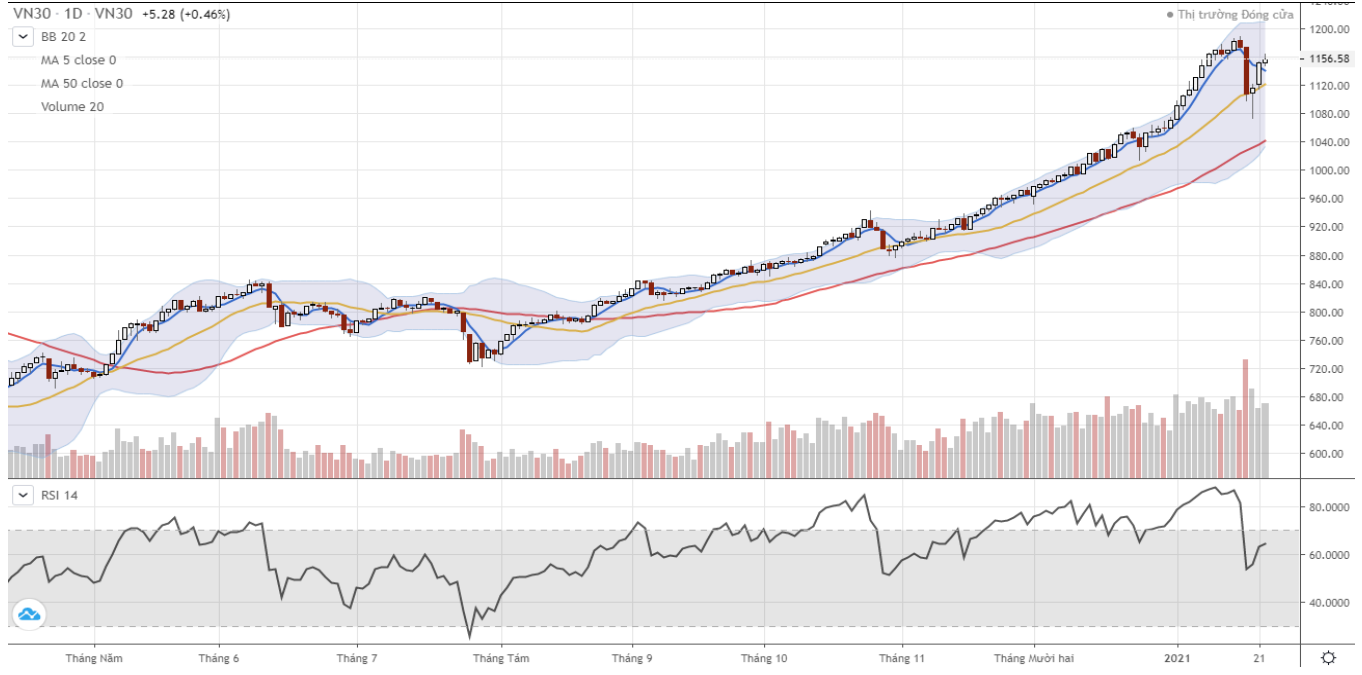
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong biên độ hẹp, hình thành mẫu nến doji trung tính.
- Vùng kháng cự quanh 1175 đang tạo lực cản cho chỉ số và đây cũng là ngưỡng chặn cần phải vượt qua để xác nhận cơ hội vượt đỉnh rõ ràng hơn cho thị trường.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tiếp tục duy trì một phần vị thế trading đã mua tại vùng hỗ trợ gần, kỳ vọng vào khả năng vượt cản thành công.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1190 - 1195

Kháng cự gần: 1181 - 1183

Hỗ trợ gần: 1167 - 1169

Hỗ trợ xa: 1158 - 1163

- F1 tăng nhẹ vào đầu phiên, diễn biến giằng co trước khi sụt giảm về cuối phiên.
- Vùng kháng cự quanh 1190 đang tạo lực cản cho chỉ số và rủi ro điều chỉnh có thể gia tăng nếu F1 không sớm vượt qua vùng này.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều nhưng cần đặt STOP chặt khi thị trường đang trong trạng thái biến động mạnh.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ một phần vị thế LONG đã mở để kỳ vọng kịch bản vượt cản thành công.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

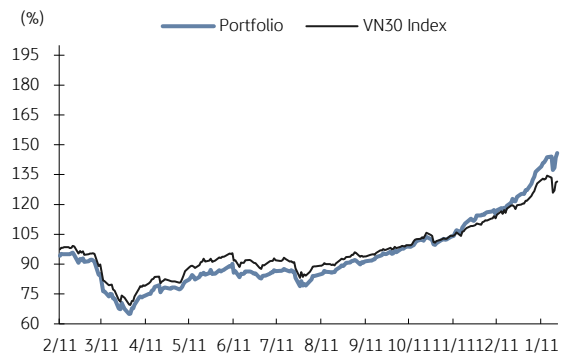
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.46%	1.59%
Tăng lũy kế (YTD)	31.57%	45.84%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	127,200	1.8%	9.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	33,950	3.8%	38.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,000	1.9%	9.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	25,600	-0.8%	50.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,100	0.9%	59.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	66,900	2.0%	99.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	37,600	1.6%	54.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,600	-1.0%	18.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,650	-1.2%	123.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	42,550	6.9%	210.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	4.1%	6.5%	181.9
FUESSVFL	0.0%	99.4%	92.1
E1VFN30	0.5%	98.0%	56.1
MSN	2.0%	32.0%	48.7
FUEVFVND	0.0%	100.0%	37.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.2%	31.8%	-132.4
VNM	-1.5%	57.8%	-107.4
CTG	1.6%	28.7%	-92.7
VND	-3.5%	23.6%	-47.5
VRE	0.8%	31.5%	-43.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	-2.9%	5.2%	0.9
VCS	0.0%	3.4%	0.7
PLC	-0.3%	1.8%	0.4
TIG	-2.5%	13.8%	0.5
VIG	9.1%	2.0%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-2.3%	6.2%	-29.1
APS	3.9%	18.7%	-3.1
IDJ	-0.6%	4.0%	-1.7
BVS	-4.7%	14.6%	-0.9
SHS	-1.7%	8.7%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.0%	TCM, PNJ
Công nghệ thông tin	1.2%	SAM, SGT
Xây dựng và Vật Liệu	0.2%	VGC, ROS
Ô tô và phụ tùng	0.2%	DRC, CSM
Bán lẻ	-0.6%	ABS, VPG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-6.7%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	-5.9%	SSI, HCM
Truyền thông	-5.7%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.7%	GAS, NT2
Dầu khí	-3.5%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	20.1%	TCH, DRC
Công nghệ thông tin	17.2%	FPT, SAM
Hàng cá nhân & Gia dụng	14.0%	TCM, PNJ
Dịch vụ tài chính	12.4%	SSI, FIT
Bất động sản	11.2%	VHM, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-10.4%	YEG, PNC
Y tế	0.5%	PME, JVC
Thực phẩm và đồ uống	3.2%	SAB, ANV
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.9%	APH, TDP
Bảo hiểm	4.4%	BVH, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,000	355,155 (15,392)	119,830 (5.2)	22.7	62.9	43.1	14.2	6.4	8.5	3.7	3.4	-0.1	-5.6	-0.7	-3.0
	VHM	VINHOMES JSC	99,300	326,649 (14,157)	262,034 (11.4)	26.9	12.3	10.4	34.2	36.8	30.8	3.8	2.9	0.3	-2.3	14.3	10.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	36,900	83,849 (3,634)	270,328 (11.7)	17.5	37.0	26.7	-11.8	8.2	10.8	2.9	2.7	0.8	0.5	21.8	17.5
	NVL	NO VA LAND INVES	79,000	84,052 (3,643)	356,693 (15.5)	31.8	20.5	19.6	3.1	14.7	13.5	3.0	2.6	4.1	10.2	19.8	21.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	33,950	18,971 (822)	45,240 (2.0)	11.0	17.5	15.2	13.9	14.0	15.1	2.4	2.2	2.9	-0.1	17.9	15.9
	DXG	DAT XANH GROUP	20,000	10,366 (449)	177,702 (7.7)	14.4	19.5	10.1	-53.8	4.3	13.7	1.4	1.3	7.0	14.9	27.4	25.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	103,000	382,014 (16,556)	97,381 (4.2)	6.3	19.4	15.3	17.8	19.3	20.7	3.3	2.8	0.0	-0.2	5.2	5.2
	BID	BANK FOR INVESTM	45,250	181,996 (7,888)	104,772 (4.5)	12.6	32.5	20.5	-7.2	9.3	12.2	2.3	2.1	-2.7	-7.4	-3.4	-5.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	36,300	127,228 (5,514)	553,210 (24.0)	0.0	11.3	9.8	9.3	16.8	16.4	1.7	1.5	0.3	-1.5	24.3	15.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,600	140,000 (6,067)	338,545 (14.7)	1.3	14.9	11.2	31.2	12.6	14.8	1.7	1.5	1.6	-4.8	8.0	8.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	36,500	89,598 (3,883)	198,897 (8.6)	0.0	8.4	7.5	18.8	18.5	17.2	1.4	1.2	0.8	-2.0	10.6	12.3
	MBB	MILITARY COMMERC	25,600	71,648 (3,105)	480,693 (20.8)	0.1	7.9	6.6	14.6	17.9	18.1	1.3	1.1	-0.8	-4.3	11.4	12.3
	HDB	HDBANK	26,100	41,597 (1,803)	148,065 (6.4)	4.1	9.2	7.8	24.7	19.2	19.0	1.6	1.4	1.2	-6.5	6.1	9.9
	STB	SACOMBANK	19,950	35,983 (1,559)	606,756 (26.3)	14.1	16.1	12.1	32.4	8.4	9.9	1.2	1.1	-0.3	-5.5	16.3	18.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,700	28,577 (1,238)	94,987 (4.1)	0.0	7.8	6.6	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	-2.8	-3.5	0.4	3.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,500	25,203 (1,092)	12,085 (0.5)	0.0	29.6	33.7	13.6	5.3	4.4	1.5	1.5	2.5	-6.8	4.3	6.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	64,700	48,028 (2,081)	88,334 (3.8)	20.8	38.2	30.7	4.0	6.6	8.2	2.4	2.3	-1.5	-6.8	13.7	-2.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,950	2,645 (115)	26,631 (1.2)	14.8	14.0	11.4	8.4	9.4	11.1	1.1	1.0	-2.2	-10.1	-1.4	-5.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,750	20,217 (876)	437,542 (19.0)	55.0	17.5	16.4	-4.1	10.3	11.7	-	-	-2.3	-8.7	14.0	2.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	61,000	10,102 (438)	94,107 (4.1)	73.6	-	-	-4.0	13.0	-	-	-	-0.3	-2.1	17.5	4.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	30,800	9,395 (407)	184,563 (8.0)	52.0	-	-	-19.0	17.1	-	-	-	-2.2	-9.8	0.5	-1.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,950	5,828 (253)	155,033 (6.7)	25.4	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-3.5	-12.0	1.6	-6.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,700	227,144 (9,844)	293,182 (12.7)	42.2	22.2	20.0	6.8	38.9	39.1	7.7	7.0	-1.5	-4.6	-1.1	-0.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	194,000	124,409 (5,392)	28,462 (1.2)	36.9	29.3	23.9	3.5	22.4	24.9	6.0	5.4	0.0	-3.2	-2.8	-0.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	93,300	109,598 (4,750)	183,067 (7.9)	17.0	100.9	41.4	-52.5	3.5	9.7	3.5	3.2	2.0	0.3	12.7	4.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,300	15,852 (687)	148,484 (6.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-3.1	-9.2	-4.0	-1.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	133,800	70,090 (3,038)	88,083 (3.8)	11.1	-	32.1	-	-4.3	14.1	4.8	4.3	2.1	1.5	8.3	7.0
	GMD	GEMADEPT CORP	32,100	9,674 (419)	145,467 (6.3)	10.5	23.6	21.6	-53.1	7.1	7.5	1.6	1.6	-1.8	-10.2	-4.3	-1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	23,200	5,541 (240)	69,473 (3.0)	40.3	12.2	11.5	136.8	9.1	8.9	1.1	1.0	-0.9	-2.7	20.8	8.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	4,280	2,429 (105)	73,906 (3.2)	45.8	-	-	-	-	-	-	-	7.0	22.3	82.9	69.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,350	10,772 (467)	232,074 (10.1)	37.3	30.6	12.9	-17.7	11.3	12.4	-	-	-2.0	-6.3	1.1	-0.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	79,900	6,096 (264)	111,147 (4.8)	3.1	12.3	11.1	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	-0.1	-3.9	11.7	2.8
	REE	REE	54,100	16,720 (725)	31,359 (1.4)	0.0	11.3	9.9	-8.7	13.4	13.6	1.4	1.3	0.9	1.1	11.3	10.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,600	165,748 (7,183)	95,356 (4.1)	46.0	20.3	16.9	-14.9	17.0	19.3	3.4	3.4	-1.0	-5.5	1.5	0.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,850	6,866 (298)	19,960 (0.9)	30.8	10.1	8.5	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	-2.1	-4.6	-5.0	-3.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,700	8,881 (385)	12,302 (0.5)	33.8	10.7	10.7	-5.3	14.4	14.3	1.5	1.5	0.2	10.1	11.5	13.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,650	144,625 (6,268)	841,971 (36.5)	17.2	12.5	9.9	15.5	21.1	22.1	2.7	2.2	-1.2	-1.9	10.9	5.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,200	7,514 (326)	62,033 (2.7)	36.3	10.6	11.7	8.0	9.7	8.9	0.9	0.9	-0.3	-2.3	-1.8	2.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,300	7,570 (328)	64,086 (2.8)	46.0	13.4	17.6	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	-0.7	0.4	7.1	2.1
	HSG	HOA SEN GROUP	26,500	11,774 (510)	191,666 (8.3)	37.9	10.2	9.2	67.9	15.9	15.5	1.5	1.3	1.0	4.7	20.5	19.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,450	3,204 (139)	55,649 (2.4)	97.0	7.9	8.4	38.5	11.7	10.1	0.9	0.9	-1.7	-7.4	0.0	0.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	54,300	66,182 (2,868)	53,400 (2.3)	4.3	63.0	20.1	-44.1	4.9	15.3	2.8	2.6	-1.1	-3.0	2.1	-0.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	21,300	8,970 (389)	220,198 (9.5)	40.0	67.9	66.9	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	-4.1	-6.6	45.4	31.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	19,600	6,344 (275)	91,802 (4.0)	35.4	12.4	12.0	-8.6	11.1	10.4	1.2	1.1	5.9	21.7	47.9	40.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	127,200	59,368 (2,573)	138,041 (6.0)	0.0	14.8	11.3	13.5	28.7	29.0	3.8	2.9	1.8	-0.5	6.1	7.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,000	19,105 (828)	53,944 (2.3)	0.0	15.7	12.5	7.0	22.9	23.3	3.3	2.6	1.9	1.8	7.3	3.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	41,800	1,308 (057)	2,724 (0.1)	70.5	17.6	12.8	-28.1	6.7	8.5	1.1	1.1	1.1	-6.7	-9.1	-9.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	32,700	2,583 (112)	77,058 (3.3)	31.1	77.9	23.3	-48.9	2.8	9.3	2.1	2.1	-0.6	-3.5	13.1	2.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	65,900	8,929 (387)	69,055 (3.0)	35.0	9.3	16.7	41.1	32.6	16.9	2.6	2.7	-2.7	-6.3	-0.5	4.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,600	13,676 (593)	1,860 (0.1)	45.3	17.9	17.3	10.7	20.3	19.7	3.3	3.1	-0.8	-3.1	1.6	0.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	73,500	5,513 (239)	627 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	-3.2	-3.7	-3.9
IT	FPT	FPT CORP	66,900	52,443 (2,273)	133,919 (5.8)	0.0	15.5	13.2	19.4	23.5	25.1	3.2	2.9	2.0	0.5	15.1	13.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.